TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2022
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Thu

2. Ông Vũ Hồng Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thể - Thẩm tra viên chính - Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc *"Ly hôn, nuôi con chung".*

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Phương M, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

* *Bị đơn*: Anh Đinh Quang T, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: Phòng 201, 369-6, Seonhak-dong, Yeonsu-gu, Incheon-Krea, Hàn Quốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đinh Quang T; sinh năm 1966

- Bà Nguyễn Thị X; sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Đều có mặt.

- Ngân hàng Chính sách xã hội: Người đại diện theo pháp luật ông Dương

Quyết T; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng N – Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B (Văn bản ủy quyền số:160/QĐ-NHCS ngày 19/5/2022). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị Phương M và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Quang T kết hôn từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa M, huyện N, tỉnh Nghệ An và tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống cùng nhau tại xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Từ tháng 4/2015 chị và anh T đã sống ly thân từ đó đến nay, năm 2018 anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Nay chị xác định giữa hai người không còn tình cảm vì ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Đinh Thị Thanh T sinh ngày 22/3/2012. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, nay đang ở với ông bà nội cháu là ông Đinh Quang T và bà Nguyễn Thị X tại Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi ly hôn, chị M xin được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Về nợ riêng: Anh T có vay nợ Ngân hàng, nhưng chị không biết vay Ngân hàng nào số tiền vay là bao nhiêu và vay vào thời gian nào. Vì lúc vay vợ chồng chị đã mâu thuẫn chị M đi làm ăn xa không có nhà, chỉ có lần chị về thấy cán bộ thu lãi ở thôn đến hỏi thu lãi thì chị mới biết. Chị M xác định đây là khoản nợ riêng của anh T và anh T cũng nói là anh tự trả. Vì vậy, chị không có trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay này và anh T tự chịu trách nhiệm trả nợ Ngân hàng.

Bị đơn anh Đinh Quang T trình bày: Tại văn bản ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Phương M kết hôn năm 2011, và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Trước khi kết hôn có tìm hiểu, hai bên tự nguyện kết hôn không có sự ép buộc và có tổ chức cưới

xin theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở tại thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Tình cảm vợ chồng sau khi kết hôn thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2017 chị M đi làm Công ty có tình cảm với người khác nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và đến năm 2019 vợ chồng ly thân và anh cũng đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc, khi đó chị M sống và làm việc tại Thái Nguyên. Quá trình sống và làm việc ở Hàn Quốc anh và chị M rất ít liên lạc với nhau. Bản thân anh xác định giữa hai người không còn tình cảm, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Nay chị M xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí, mong Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh và chị M có một người con chung là cháu Đinh Thị Thanh T, sinh ngày 22/3/2012, hiện nay cháu đang ở với ông, bà nội là bố mẹ đẻ của anh. Do hiện nay anh chưa về nước được nên việc nuôi con sau ly hôn vợ chồng anh nhất trí thỏa thuận cho chị M là người trực tiếp nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh và chị M chưa tạo dựng được tài sản gì chỉ có một lán liều dựng trên đất của bố mẹ anh cho mượn và cũng không có giá trị nên nhất trí với ý kiến của chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Ngày 29/9/2016 Anh T có vay tiền của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B với tổng số tiền là 62.000.000đ (*Sáu mươi hai triệu đồng*) gồm: Chương trình vay hộ nghèo số tiền là: 50.000.000 đ, mục đích vay vốn là trồng rừng mỡ và chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 12.000.000đ, mục đích xin vay vốn là khoan giếng xây nhà vệ sinh.

Đối với 02 khoản nợ trên anh T nhất trí với ý kiến chị M anh là người trả nợ, anh sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc là 62.000.000đ (*Sáu mươi hai triệu đồng*) và tiền lãi theo hợp đồng.

Do hiện nay anh đang sinh sống và làm việc tại đất nước Hàn Quốc, khoảng cách địa lý xa, tình hình dịch bệnh covid-19, anh không thể về nước để tham gia tố tụng được. Anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết, xét xử vắng mặt anh tại các buổi làm việc, phiên họp và các phiên tòa.

Đối với việc gửi các văn bản tố tụng trong vụ án, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn tống đạt tất cả các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị X. Vì anh đã ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1967 địa chỉ: thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn sẽ thay mặt anh nhận tất cả các văn bản có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án, bao gồm cả bản án, mẹ anh sẽ thông báo cho anh.

Ngoài việc ủy quyền cho bà Nguyễn Thị X thay mặt anh nhận tất cả các văn bản có liên quan, đề nghị Tòa án tạo điều kiện gửi các văn bản tố tụng có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án cho anh thông qua hòm thư điện tử để anh được biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội ông Trần Trọng N trình bày: Hiện tại, anh Đinh Quang T đại diện hộ gia đình đang đứng tên vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B với các chương trình cho vay như sau:

Ngày 29/9/2016 vay 02 chương trình với tổng số tiền là 62.000.000đ. gồm:

+ Chương trình cho vay hộ nghèo số tiền là: 50.000.000 đồng, lãi suất 0,55%/tháng, thời hạn vay 60 tháng. mục đích xin vay vốn là trồng rừng mỡ, Dư nợ đến ngày 10/5/2022 là: 50.000.000đ tiền gốc, tiền lãi là 0đ.

+ Chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn (NSVSMTNT) số tiền 12.000.000đ, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn vay 60 tháng. mục đích xin vay vốn là khoan giếng xây nhà vệ sinh. Dư nợ đến ngày 10/5/2022 là: 12.000.000đ, tiền lãi là 0đ.

Các món vay trên người thừa kế là Chị Trần Thị Phương M là vợ và bà Nguyễn Thị X là mẹ anh T.

Trong thời gian vay Anh Đinh Quang T vẫn chấp hành đầy đủ nội quy quy định về việc nộp lãi và sử dụng vốn.

Theo thỏa thuận giữa hai vợ chồng, Anh Đinh Quang T chịu trách nhiệm toàn bộ về việc trả nợ gốc, lãi khi đến hạn đối với món vay Phòng giao dịch NHCSXH huyện B với tổng số tiền là 62.000.000đ. Chị Trần Thị Phương M không có liên quan và không còn chịu trách nhiệm đối với món vay trên.

Ngân hàng nhất trí với ý kiến của anh Đinh Quang T và chị Trần Thị Phương M về việc thỏa thuận trả nợ đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử lý đúng theo pháp luật, đồng thời yêu cầu anh Đinh Quang T thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng chính sách xã hội. Nếu hết thời hạn vay vốn mà anh Đinh Quang T vẫn không hoàn trả hết số tiền nêu trên cho Ngân hàng thì đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn hợp tác, giúp đỡ Ngân hàng Chính sách xã hội đôn đốc hộ vay hoàn trả đầy đủ, kịp thời đảm bảo thu hồi vốn cho nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Quang T và bà Nguyễn Thị X trình bày: Hiện nay cháu Đinh Thị Thanh T đang ở với ông bà, bố cháu đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, còn mẹ cháu đi làm công nhân ở trong thành phố Hồ Chí Minh. Việc chị M xin ly hôn anh T và có nguyện vọng được trực tiếp được nuôi con, không yêu cầu anh Trường cấp dưỡng nuôi con. Ông bà không có ý kiến gì. Chị M đi làm ăn xa nếu gửi con cho ông bà trông nom, chăm sóc giúp thì ông bà nhất trí. Còn khoản nợ vay Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hôi huyện

B thì hàng tháng anh T con trai của ông bà vẫn gửi tiền về cho ông bà nộp tiền lãi giúp. Đây là khoản nợ riêng của anh T.

Người nhận tài liệu theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh T và được anh T ủy quyền nhận thay các văn bản tố tụng có liên quan cần tống đạt cho anh T kể cả bản án. Bà X cam kết có trách nhiệm thông báo ngay cho anh T các văn bản, nội dung các văn bản của Tòa án giao cho anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 28, 37, 39, 469 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 56; 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Phương M.

- Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương M được ly hôn anh Đinh Quang T.

-Về con chung: Giao con chung là cháu Đinh Thị Thanh T, sinh ngày 22/3/2012 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Phương M không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Anh T có trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện B số tiền gốc là 62.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký.

- Đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng khác theo quy định của BLTTDS

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có bị đơn là anh Đinh Xuân T hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (Hàn Quốc). Do vậy theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 469, 470 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về sự vắng mặt bị đơn anh Đinh Quang T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T kết hôn với nhau từ năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, trước khi kết hôn có sự tìm hiểu việc kết hôn tự nguyện, do đó xác định hôn nhân giữa chị Trần Thị Phương M và anh Đinh Quang T là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng sau khi kết hôn được mấy năm đầu thì hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau và sống ly thân. Chị M bỏ nhà đi làm ăn xa, anh T đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc. Nay cả hai đều xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu nên không còn tình cảm và cũng không muốn quay về đoàn tụ và đều có nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy tình cảm hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Trần Thị Phương M được ly hôn với anh Đinh Quang T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị M và anh T có một người con chung là cháu Đinh Thị Thanh T, sinh ngày 22/3/2012, cháu T khỏe mạnh và phát triển bình thường, cháu hiện đang ở với ông, bà nội là ông Đinh Quang T và bà Nguyễn Thị X, cháu Trúc có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy anh T hiện đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài (Hàn Quốc) không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Chị M và anh T đều nhất trí thỏa thuận giao con cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái và đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu T theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu T cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trúc đủ 18 tuổi

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn chị M, anh T có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị M và anh T đều thống nhất hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị M và anhT vay nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách huyện B với tổng số tiền là 62.000.000đ, quá trình giải quyết vụ án chị M cho rằng khoản nợ này là nợ riêng của anh T nhưng trong hồ sơ vay vốn thể hiện chị M có ký giấy ủy quyền cho anh T đứng tên vay với Phòng giao dịch NHCSXH huyện

B, do vậy xác định khoản vay này là nợ chung của chị M và anh T. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh T có ý kiến nhất trí với ý kiến chị M, anh T là người trực tiếp trả nợ và được Phòng giao dịch NHCSXH huyện B nhất trí. Do vậy anh T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc là 62.000.000đ *(Sáu mươi hai triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Phương M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lý lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81, 82, 83,84 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Phương M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương M được ly hôn anh Đinh Quang T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Thanh T, sinh ngày 22/3/2012 cho chị Trần Thị Phương M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con

Anh Đinh Quang T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm non con chung, không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Đinh Quang T có trách nhiện trả nợ khoản tiền vay nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc là 62.000.000đ (*Sáu mươi hai triệu đồng*) và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Phương M phải chịu án phí ly hôn với số tiền: 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000002 ngày 11/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn, xác nhận chị Mai đã nộp đủ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiên theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ".

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm Bản án.

Anh Đinh Quang T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kế từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự ;
- UBND xã N (Nơi đký kết hôn);
- CụcTHADS tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng KTNV;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hường